

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-ST
Ngày 27-5-2021
V/v tranh chấp ranh giới quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 390/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lưu Minh Q, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 126, tổ 11, đường số 6, khu phố 3, phường L, Đ

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Tấn Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 118/44 đường Bùi Th, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/9/2020). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Thế T, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 185/96/12 đường Tr, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Anh Đào Quốc H2, sinh năm 1990; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3/ Anh Nguyễn Ngọc V1, sinh năm 1998; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4/ Chị Trần Mỹ H4, sinh năm 2000; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

5/ Anh Nguyễn Nhật CH4, sinh năm 1996; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

6/ Anh Nguyễn Hùng V, sinh năm 1990; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 185/96/12 đường Tr, khu phố T, phường Đ, thành phố D.

7/ Bà Nguyễn Thị Ng3, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 11, đường số 8, khu phố 4, phường B, thành phố T. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

8/ Bà Lê Thị L; thường trú: Số 63 đường Ph, Phường B, Quận 6A, Thành phố H. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

9/ Ông Trà Hữu Ng2, sinh năm 1972; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

10/ Bà Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1976; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 14/14F, phường B, Quận 1, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Ngđơn, người đại diện hợp pháp của Ngđơn ông Võ Tấn Đ trình bày: Năm 2016, ông Lưu Minh Q nhận cH2ền nhượng quyền sử dụng đất diện tích 104m² thuộc thửa đất số 2561, tờ bản đồ số 9 tọa L tại khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS12342 do Sở Tài Ngvà Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/12/2016. Thửa đất liền kề với nhà đất của ông Phan Thế T. Trước khi ký hợp đồng cH2ền nhượng ông Q không yêu cầu đo đạc thực tế mà chỉ sử dụng Mảnh trích lục địa chính không có đo đạc chính lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố) Dĩ An phát hành ngày 19/10/2016 để bổ túc hồ sơ cH2ền nhượng. Ông Q đã nhận đất và thanh toán đủ số tiền cho bên cH2ền nhượng. Ngày 13/8/2019, ông Q thực hiện thủ tục trích lục bản vẽ thửa đất thì phát hiện căn nhà giáp ranh đất của ông Phan Thế T đang sử dụng lấn qua đất của ông với diện tích theo đo đạc thực tế là 5,3m². Ông Q đã nhiều lần yêu cầu ông T pH1 trả lại phần đất lấn chiếm nhưng ông T không đồng ý. Trên phần đất lấn ranh là một phần căn nhà của ông T.

Ông Lưu Minh Q khởi kiện ông Phan Thế T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phan Thế T phải tháo dỡ, di dời công trình lấn chiếm và trả lại cho ông Lưu Minh Q diện tích đất 5,3m², thuộc thửa số 2561, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS12342 do Sở Tài Ngvà Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/12/2016.

Tại phiên tòa ông Phan Thế T đồng ý tháo dỡ công trình lấn chiếm và trả lại cho ông Lưu Minh Q diện tích đất 5,3m², thuộc thửa số 2561, tờ bản đồ số 9, tọa L tại khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS12342 do Sở Tài Ngvà Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/12/2016. Đồng thời, ông Lưu Minh Q đồng ý hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời phần nhà xây lấn cho ông Phan Thế T với số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Thế T trình bày: Năm 2015, ông Phan Thế T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 120m², thửa đất số 2560, tờ bản đồ 3DH2, tọa L tại khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và được Sở Tài Ngã và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS10162 ngày 20/7/2015. Hiện trạng thửa đất đã có căn nhà được xây dựng hợp pháp, có giấy phép xây dựng theo quy định, khi ông T chuyển đến ở không có cơ quan tổ chức nào yêu cầu pH1 làm thủ tục hoàn công nên cho đến nay ông vẫn chưa làm thủ tục hoàn công để cập nhật thông tin về nhà ở vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo kết quả đo đạc thực tế thì căn nhà của ông T đang sử dụng đã xây lấn qua phần đất của Ngđơn với tổng diện tích là 5,3m², phần đất này thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ngđơn. (Phần ký hiệu C trong mảnh trích lục địa chính).

Tại phiên tòa ông Phan Thế T đồng ý tháo dỡ công trình lấn chiếm và trả lại cho ông Lưu Minh Q diện tích đất 5,3m², thuộc thửa số 2561, tờ bản đồ số 9, tọa L tại khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS12342 do Sở Tài Ngã và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/12/2016. Đồng thời, ông Phan Thế T đề nghị ông Lưu Minh Q hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời phần nhà xây lấn với số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, Ng2 vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà Nguyễn Thị H1 là vợ của ông Phan Thế T. Bà H1 thống nhất toàn bộ ý kiến của ông T đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngđơn và ý kiến của bị đơn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, Ng2 vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày: Trước đây bà L là chủ sử dụng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2560, tờ bản đồ số 3DH.2 tọa L tại khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, thửa đất này hiện nay ông T đang sử dụng. Bà L là người làm thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng căn nhà trên đất và được nhà nước cấp giấy phép xây dựng ngày 14/6/2011. Khi xây dựng bà không làm thủ tục cắm mốc xác định ranh giới. Do không có nhu cầu sử dụng nên bà đã chuyển nhượng đất và toàn bộ căn nhà đã xây cho người khác. Bà L không còn quyền lợi, Ng2 vụ liên quan gì trong việc giải quyết tranh chấp giữa các bên. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngđơn và ý kiến của bị đơn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Năm 2015, bà Ng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà tọa L tại khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cho ông Phan Thế T. Khi bà Ng nhận chuyển nhượng thửa đất này trên đất đã có sẵn căn nhà. Sau đó, bà Nguyên đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất và căn nhà cho ông T, bà đã nhận đủ tiền và giao nhà đất cho ông T. Do đó, bà Ng không còn quyền lợi, liên quan gì đối với tài sản đang tranh chấp. Mọi quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh đều do người nhận chuyển nhượng nhà đất của bà chịu trách nhiệm. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn bà không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Q H2, Nguyễn Ngọc V1, Trần Mỹ H4, Nguyễn Nhật CH4, Nguyễn Hùng V trình bày: Các anh chị là người thuê phòng trọ của ông Phan Thế T tại số 185/96/12 đường Trần Hưng Đạo, khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, hình thức thuê trả tiền hàng tháng, hai bên không lập hợp đồng thuê. Các anh chị không có công sức đóng góp sửa chữa, tôn tạo gì đối với tài sản mà các bên đang tranh chấp. Việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa Ngđơn và bị đơn không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngđơn và ý kiến của bị đơn các anh chị không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, Ng2 vụ liên quan ông Trà Hữu Ng2 và bà Nguyễn Thị Thu H3 trình bày: Khoảng tháng 10/2016, ông Ng2 và bà H3 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2561 tại khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cho ông Lưu Minh Q. Ông Ng2 và bà H3 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất theo sổ nên chỉ tiến hành trích lục bản vẽ để ký hợp đồng chuyển nhượng, không tiến hành đo đạc thực tế. Ông Ng2 và bà H3 đã nhận đủ tiền và giao đất cho ông Q. Thời điểm chuyển nhượng thửa đất liền kề của ông T đã có sẵn căn nhà cấp 4. Do không đo đạc thực tế nên không biết ranh đất giáp ông T có sự lấn chiếm. Tuy nhiên, ông Ng2 và bà H3 xác định đã chuyển nhượng hết toàn bộ diện tích đất theo sổ cho ông Q nên mọi vấn đề phát sinh trong quá trình sử dụng thửa đất này đều do ông Q quyết định. Trong vụ án này ông Ng2 và bà H3 không có yêu cầu gì. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngđơn và ý kiến của bị đơn ông Ng2 và bà H3 không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và đương sự chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi, Ng2 vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, anh Đào Q H2, anh Nguyễn Ngọc V1, chị Trần Mỹ H4, anh Nguyễn Nhật CH4, anh Nguyễn Hùng V, bà Nguyễn Thị Ng3, bà Lê Thị L, ông Trà Hữu Ng2 và bà Nguyễn Thị Thu H3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định. Về nội dung: Tại phiên tòa Ngđơn và bị đơn đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Những người có quyền lợi, Ng2 vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1, anh Đào Q H2, anh Nguyễn Ngọc V1, chị Trần Mỹ H4, anh Nguyễn Nhật CH4, anh Nguyễn Hùng V, đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, Ng2 vụ liên quan nêu trên.

[1.2] Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định thêm người có quyền lợi, Ng2 vụ liên là bà Nguyễn Thị Ng3, bà Lê Thị L, bà Nguyễn Thị Thu H3 và ông Trà Hữu Ng2 những

người này đã cung cấp lời khai không yêu cầu Tòa án tiến hành lại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, không có ý kiến về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả định giá và đồng thời có đơn đề nghị vắng mặt. Hội đồng xét xử xác định thêm người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, Ng2 vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng3, bà Lê Thị L, bà Nguyễn Thị Thu H3, ông Trà Hữu Ng2 và căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa Ngđơn và bị đơn xác định phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế là 5,3m² thuộc thửa số 2561, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS12342 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/12/2016; trên phần đất tranh chấp là một phần nhà ở riêng lẻ loại 01 tầng có kết cấu: Tường gạch xây tô sơn nước có ốp gạch men lửng, nền gạch men, trần la phong, mái tôn, cửa sắt, mỗi phòng trọ (06 phòng) có gác lửng bê tông và nhà vệ sinh, hiện nay bị đơn đang sử dụng. Nguyên đơn và bị đơn đã đưa ra phương án thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể: Ông Phan Thế T tự nguyện tháo dỡ, di dời phần nhà xây lấn để trả lại toàn bộ diện tích đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế 5,3m² cho ông Lưu Minh Q. (Vị trí C trong sơ đồ bản vẽ kèm theo). Ông Lưu Minh Q có trách nhiệm hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời phần nhà xây lấn cho ông Phan Thế T số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Q H2, anh Nguyễn Ngọc V1, chị Trần Mỹ H4, anh Nguyễn Nhật CH4, anh Nguyễn Hùng V, bà Nguyễn Thị Ng3, bà Lê Thị L, bà Nguyễn Thị Thu H3 và ông Trà Hữu Ng2 đều xác định không có yêu cầu gì trong vụ án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngđơn. Người có quyền lợi, Ng2 vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 là vợ của bị đơn thống nhất với ý kiến của bị đơn đã trình bày trong vụ án, đối với yêu cầu khởi kiện của Ngđơn bà H1 đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của Ngđơn và bị đơn tại phiên tòa không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của những người có quyền lợi, Ng2 vụ liên quan.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngđơn và lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định, tại chỗ, định giá tài sản và trích lục hồ sơ: Ngđơn tự nguyện chịu số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng được khấu trừ hết vào chi phí tạm ứng chi phí đã nộp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn pH1 chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 175 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Minh Q đối với ông Phan Thế T về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

1.1. Ông Phan Thế T phải tháo dỡ, di dời công trình lấn chiếm (là một phần căn nhà ở riêng lẻ loại 01 tầng diện tích $5,3m^2$ có kết cấu tường gạch xây tô sơn nước có ốp gạch men lửng, nền gạch men, trần la phong, mái tôn, cửa sắt, mỗi phòng trọ (06 phòng) có gác lửng bê tông và nhà vệ sinh) và trả lại cho ông Lưu Minh Q diện tích đất $5,3m^2$ thuộc thửa đất số 2561, tờ bản đồ 3DH.2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS12342 được Sở Tài Ngã và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/12/2016 tọa lạc tại khu phố Tây B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. (Vị trí C trên sơ đồ bản vẽ kèm theo).

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lưu Minh Q về việc hỗ trợ chí phí tháo dỡ, di dời công trình lấn chiếm cho ông Phan Thế T số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chí phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản và trích lục hồ sơ: Ông Lưu Minh Q tự nguyện chịu số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng chí phí đã nộp.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Thế T pH1 chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

- Trả lại cho ông Lưu Minh Q số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0048854 ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP Dĩ An;
- Chi cục THADS TP Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân